

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ PHAN THIẾT
TỈNH BÌNH THUẬN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 39/2024/DS-ST

Ngày: 10-5-2024

V/v: “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ PHAN THIẾT**

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Quách Văn Hoàng

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phạm Định Quốc

2. Bà Lưu Thị Thôi

Đại diện Việt kiểm sát nhân dân Tp Phan Thiết tham gia phiên tòa: Bà Trương Thị Mỹ Thuận – Kiểm sát viên.

Thư ký phiên tòa: Ông Biện Anh Huy là Thư ký viên của Tòa án nhân dân thành phố Phan Thiết.

Ngày 10 tháng 5 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Phan Thiết, tỉnh Bình Thuận xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 87/2023/TLST-DS ngày 22 tháng 3 năm 2023 về việc “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 182/2024/QĐXXST-DS ngày 01 tháng 4 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 211/2024/QĐST-DS ngày 25 tháng 4 năm 2024, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP S

Địa chỉ trụ sở chính: Số A phố T, phường T, quận H, Tp Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Bà Ngô Thu Hà, chức danh: Tổng giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn An, chức vụ: Giám đốc Ngân hàng TMCP S chi nhánh Bình Thuận.

Người đại diện theo ủy quyền của ông An: Ông Ngô Duy Phong, chức vụ: Chuyên viên xử lý nợ của Ngân hàng TMCP S chi nhánh Bình Thuận.

2. Bị đơn: Ông Nguyễn Đại Q, sinh năm 1982

Bà Nguyễn Hoài Thanh Th, sinh năm 1982

Cùng địa chỉ: Số BT, khu phố 03, phường Đ, Tp P, tỉnh Bình Thuận.

Tại phiên tòa có mặt ông Phong; vắng mặt Ông Q và Bà Th.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**** Theo đơn khởi kiện, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa người đại diện hợp pháp của nguyên đơn trình bày:***

Ông Nguyễn Đại Q, Bà Nguyễn Hoài Thanh Th có vay vốn tại Ngân hàng TMCP S chi nhánh Bình Thuận theo hợp đồng hạn mức tín dụng số 104/2019/HĐHM-CN/SHB.132100 ngày 01/4/2019 với số tiền cấp hạn mức tín dụng là 1.000.000.000đồng; thời hạn cấp hạn mức tín dụng là 12 tháng; lãi suất vay: theo từng khế ước nhận nợ; mục đích vay là bổ sung vốn mua bán hải sản.

Tài sản thế chấp là thửa đất số 573, tờ bản đồ số 11 tọa lạc tại khu phố 03, phường Đ, Tp P, tỉnh Bình Thuận và tài sản gắn liền với đất đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BQ 387XXX cấp ngày 19/10/2015, cập nhật biến động ngày 19/9/2016, ngày 19/01/2017, ngày 22/8/2017 và ngày 28/3/2019 theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số 111/2019/HĐTC-CN/SHB.132100 được công chứng ngày 01/4/2019 tại Văn phòng công chứng Trương Văn Cương, số công chứng: 004320, quyền số 05TP/CC-SCC/HĐGD.

Ngân hàng đã giải ngân số tiền vay cho Ông Q, Bà Th và sau đó Ông Q, Bà Th đã trả nợ cho ngân hàng. Ngày 01/4/2020 Ông Q, Bà Th tiếp tục vay của ngân hàng số tiền 1.000.000.000đồng theo khế ước nhận nợ số 02-104/2019/HĐHM-CN/SHB.132100.

Theo khế ước nhận nợ trên, ngày 01/4/2021 là ngày trả nợ cuối cùng nhưng Ông Q, Bà Th vẫn không trả nợ cho ngân hàng.

Tính đến ngày 10/5/2024 Ông Q, Bà Th còn nợ ngân hàng gồm: Nợ gốc là 1.000.000.000 đồng; nợ lãi trong hạn là 24.230.118 đồng và lãi quá hạn là 693.014.463 đồng và lãi phạt quá hạn lãi (lãi chậm trả) là 4.570.970 đồng; Ông Q, Bà Th đã trả được 4.652.056 đồng. Còn nợ lại tổng cộng là 1.717.163.495 đồng.

Nay Ngân hàng yêu cầu Ông Q, Bà Th trả tổng số tiền gốc và lãi còn nợ tính đến ngày 10/5/2024 là 1.717.163.495 đồng và kể từ ngày 11/5/2024 Ông Q, Bà Th phải tiếp tục chịu khoản tiền phát sinh theo thỏa thuận của hợp đồng hạn mức tín dụng số 104/2019/HĐHM-CN/SHB.132100 ngày 01/4/2019 và khế ước nhận nợ số 02-104/2019/HĐHM-CN/SHB.132100 ngày 01/4/2020 cho đến khi trả hết nợ vay.

Trường hợp Ông Q, Bà Th không thực hiện hay thực hiện không đúng nghĩa vụ trả nợ thì Ngân hàng có quyền yêu cầu xử lý tài sản thế chấp theo hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số 111/2019/HĐTC-CN/SHB.132100 được công chứng ngày 01/4/2019 tại Văn phòng công chứng Trương Văn Cương, số công chứng: 004320, quyền số 05TP/CC-SCC/HĐGD để thu hồi nợ.

Ngân hàng yêu cầu Ông Q, Bà Th phải trả lại cho ngân hàng số tiền 3.000.000đồng tiền chi phí tố tụng về việc xem xét, thẩm định tại chỗ đối với tài sản thế chấp mà ngân hàng đã tạm ứng trước.

**** Bị đơn Ông Nguyễn Đại Q, Bà Nguyễn Hoài Thanh Th chưa có ý kiến trình bày về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.***

Vụ án không hòa giải được do bị đơn vắng mặt.

Sau khi những người tham gia tố tụng trình bày ý kiến, vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Phan Thiết phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký, của đương sự kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng trình tự, thủ tục do Bộ luật tố tụng dân sự quy định.

Về phần nội dung vụ án đề nghị Hội đồng xét xử xử theo hướng chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn. Buộc Ông Q, bà Thủy trả cho Ngân hàng tổng số tiền gốc và lãi tính đến hết ngày 10/5/2024 là 1.717.163.495 đồng và tiền lãi phát sinh kể từ ngày 11/5/2024 cho đến khi trả hết nợ cho Ngân hàng theo hợp đồng hạn mức tín dụng và khế ước nhận nợ mà các bên đã ký kết. Nếu Ông Q, bà Thủy không thực hiện đúng nghĩa vụ trả nợ thì Ngân hàng có quyền yêu cầu cơ quan có thẩm quyền xử lý tài sản thế chấp để thu hồi nợ. Đồng thời buộc Ông Q, bà Thủy phải trả lại cho Ngân hàng số tiền tạm ứng chi phí tố tụng mà Ngân hàng đã tạm ứng để chi tiền xem xét, thẩm định tại chỗ và phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ, vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Ngân hàng TMCP S (sau đây gọi tắt là Ngân hàng) yêu cầu Ông Nguyễn Đại Q, Bà Nguyễn Hoài Thanh Th trả nợ; Ông Q, Bà Th có nơi cư trú tại Tp Phan Thiết, tỉnh Bình Thuận. Vì vậy, Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật là tranh chấp hợp đồng dân sự, cụ thể là “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*” được quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Phan Thiết theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về thủ tục tố tụng: Ông Q, bà Thủy đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai để tham gia phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt không có lý do; Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử xử vắng mặt.

[3] Về nội dung khởi kiện của Ngân hàng yêu cầu Ông Q, Bà Th trả nợ đối với hợp đồng hạn mức tín dụng số 104/2019/HĐHM-CN/SHB.132100 ngày 01/4/2019 và khế ước nhận nợ số 02-104/2019/HĐHM-CN/SHB.132100 ngày 01/4/2020:

Xét hợp đồng hạn mức tín dụng và khế ước nhận nợ nêu trên cho thấy các bên tham gia hợp đồng đều có đủ năng lực hành vi dân sự, trên cơ sở tự nguyện, các thỏa thuận có nội dung và mục đích để thực hiện nhu cầu của mỗi bên, không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội. Do đó, các bên phải thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ của mình được quy định tại hợp đồng hạn mức tín dụng và khế ước nhận nợ mà các bên đã thỏa thuận. Ngân hàng đã giải ngân toàn bộ số tiền vay cho Ông Q, Bà Th. Vì vậy, hợp đồng hạn

mức tín dụng và khế ước nhận nợ nêu trên có hiệu lực pháp luật, đã làm phát sinh quyền và nghĩa vụ pháp lý ràng buộc các bên giao kết phải thực hiện.

Các khoản vay theo các hợp đồng nêu trên hiện tại vẫn do Ngân hàng quản lý, chưa bán hoặc chuyển giao quyền đòi nợ cho bất kỳ tổ chức, cá nhân nào. Do vậy, Ngân hàng có quyền khởi kiện đối với Ông Q, Bà Th khi có vi phạm.

Theo khế ước nhận nợ thể hiện ngày giải ngân là ngày 01/4/2020 và cũng tại khế ước nhận nợ này thể hiện ngày trả nợ cuối cùng là ngày 01/4/2021. Như vậy khoản nợ của Ông Q, bà Thuỷ không được cơ cấu lại thời hạn trả nợ nên đã hết hạn nhưng Ông Q, bà Thuỷ vẫn không trả nợ cho Ngân hàng nên đã vi phạm cam kết mà các bên đã thoả thuận. Căn cứ vào Điều 280, khoản 1 Điều 466 của Bộ luật dân sự, Điều 95 của Luật các tổ chức tín dụng. Vì vậy Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng, buộc Ông Q, bà Thuỷ phải trả cho Ngân hàng số tiền gốc là 1.000.000.000 (*một tỷ*) đồng.

[4] Về lãi suất cho vay: Tại hợp đồng hạn mức tín dụng và khế ước nhận nợ nêu trên các bên có thoả thuận lãi suất cho vay trong hạn và cơ chế điều chỉnh lãi suất được quy định của ngân hàng và thoả thuận lãi suất quá hạn bằng 150% mức lãi suất cho vay trong hạn áp dụng tại thời điểm chuyển nợ quá hạn. Các bên thoả thuận về lãi suất nêu trên là phù hợp với quy định tại Điều 13 của Thông tư số 39/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016 của Ngân hàng nhà nước quy định về hoạt động cho vay của Tổ chức tín dụng, chi nhánh Ngân hàng nước ngoài đối với khách hàng và Điều 91 của Luật các tổ chức tín dụng. Vì vậy, yêu cầu tính lãi suất của Ngân hàng được chấp nhận nên buộc Ông Q, Bà Th phải trả cho Ngân hàng tổng tiền lãi của hợp đồng hạn mức tín dụng và khế ước nhận nợ nêu trên tính hết ngày 10/5/2024 là 717.163.495 đồng và Ông Q, bà Thuỷ phải tiếp tục phải trả tiền lãi phát sinh theo lãi suất mà các bên đã thoả thuận trong hợp đồng hạn mức tín dụng và khế ước nhận nợ nêu trên kể từ ngày 11/5/2024 cho đến khi hoàn thành nghĩa vụ trả nợ. Trường hợp trong hợp đồng hạn mức tín dụng và khế ước nhận nợ các bên có thoả thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà Ông Q, Bà Th phải tiếp tục trả cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

[5] Về yêu cầu của Ngân hàng xử lý tài sản bảo đảm trong trường hợp Ông Q, Bà Th không thực hiện hay thực hiện không đúng nghĩa vụ trả nợ:

Xét hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số 111/2019/HĐTC-CN/SHB.132100 được công chứng ngày 01/4/2019 tại Văn phòng công chứng Trương Văn Cương, số công chứng: 004320, quyển số 05TP/CC-SCC/HĐGD, cho thấy các bên tham gia hợp đồng có đủ năng lực hành vi dân sự, trên cơ sở tự nguyện, các thoả thuận có nội dung và mục đích để

thực hiện quyền nghĩa vụ của mỗi bên, không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội; đã được công chứng và đăng ký giao dịch bảo đảm; phù hợp với quy định của Điều 4, Điều 5 Nghị định số 102/2017/NĐ-CP ngày 01/9/2017 của Chính phủ về đăng ký biện pháp bảo đảm và Điều 298, Điều 319 của Bộ luật dân sự. Vì vậy, hợp đồng thế chấp có hiệu lực buộc các bên phải thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ của mình đã thỏa thuận trong hợp đồng.

Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của ngân hàng trong trường hợp Ông Q, Bà Th không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng thì Ngân hàng được quyền yêu cầu cơ quan có thẩm quyền xử lý tài sản thế chấp theo hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số 111/2019/HĐTC-CN/SHB.132100 được công chứng ngày 01/4/2019 tại Văn phòng công chứng Trương Văn Cường, số công chứng: 004320, quyền số 05TP/CC-SCC/HĐGD để thu hồi nợ.

[6] Về án phí và chi phí tố tụng:

Ông Nguyễn Đại Q, Bà Nguyễn Hoài Thanh Th phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự và điểm b khoản 1 Điều 24, khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Ngân hàng đã nộp 3.000.000đồng chi phí tố tụng về việc xem xét, thẩm định tại chỗ đối với tài sản thế chấp. Do yêu cầu của Ngân hàng được chấp nhận nên căn cứ vào Điều 157 của Bộ luật tố tụng dân sự Ông Q, Bà Th phải chịu chi phí này; Vì vậy buộc Ông Q, Bà Th phải có nghĩa vụ hoàn trả lại số tiền này cho Ngân hàng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ: Khoản 3 Điều 26, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 157, Điều 227, Điều 228, Điều 235, Điều 266, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 280, Điều 298, Điều 319, Điều 357, Điều 466 của Bộ luật dân sự; Điều 91, Điều 95 của Luật các tổ chức tín dụng; Nghị định số 102/2017/NĐ-CP ngày 01/9/2017; Thông tư số 39/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016 của Ngân hàng nhà nước quy định về hoạt động cho vay của Tổ chức tín dụng, chi nhánh Ngân hàng nước ngoài đối với khách hàng; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án và Luật thi hành án dân sự.

2. Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP S.

Buộc Ông Nguyễn Đại Q, Bà Nguyễn Hoài Thanh Th phải trả cho Ngân hàng TMCP S tổng số tiền tính đến ngày 10/5/2024 là 1.717.163.495 (*một tỷ bảy*

trăm mười bảy triệu một trăm sáu mươi ba nghìn bốn trăm chín mươi lăm) đồng (trong đó bao gồm nợ gốc là 1.000.000.000 (một tỷ) đồng, nợ lãi trong hạn, quá hạn và chậm trả là 717.163.495 (bảy trăm mười bảy triệu một trăm sáu mươi ba nghìn bốn trăm chín mươi lăm) đồng).

Kể từ ngày 11/5/2024, Ông Q, Bà Th còn phải tiếp tục trả tiền lãi phát sinh theo lãi suất mà các bên đã thỏa thuận trong hợp đồng hạn mức tín dụng số 104/2019/HĐHM-CN/SHB.132100 ngày 01/4/2019 và khế ước nhận nợ số 02-104/2019/HĐHM-CN/SHB.132100 ngày 01/4/2020 cho đến khi hoàn thành nghĩa vụ trả nợ. Trường hợp trong hợp đồng hạn mức tín dụng và khế ước nhận nợ nêu trên, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà Ông Q, Bà Th phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

Trường hợp Ông Nguyễn Đại Q, Bà Nguyễn Hoài Thanh Th không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng thì Ngân hàng được quyền yêu cầu cơ quan có thẩm quyền xử lý tài sản thế chấp theo hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số 111/2019/HĐTC-CN/SHB.132100 được công chứng ngày 01/4/2019 tại Văn phòng công chứng Trương Văn Cương, số công chứng: 004320, quyền số 05TP/CC-SCC/HĐGD để thu hồi nợ.

3. Về án phí: Ông Nguyễn Đại Q, Bà Nguyễn Hoài Thanh Th phải chịu 63.514.904 (*sáu mươi ba triệu năm trăm mười bốn nghìn chín trăm lẻ bốn*) đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả lại số tiền 27.094.000 (*hai mươi bảy triệu không trăm chín mươi bốn*) đồng tạm ứng án phí theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0015557 ngày 20/3/2023 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố Phan Thiết cho Ngân hàng TMCP S.

4. Về chi phí tố tụng: Ông Nguyễn Đại Q, Bà Nguyễn Hoài Thanh Th phải hoàn trả lại số tiền 3.000.000 đồng chi phí tố tụng cho Ngân hàng TMCP S.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật và người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành nếu người bị thi hành án chậm trả số tiền 3.000.000 đồng thì người bị thi hành án phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo thỏa thuận của các bên nhưng không được vượt quá mức lãi suất được quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật dân sự 2015; nếu không có thỏa thuận thì được thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành

án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Ngân hàng TMCP S, có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; Ông Nguyễn Đại Q, Bà Nguyễn Hoài Thanh Th có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND Tp PT;
- CCTHADS Tp PT;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Quách Văn Hoàng